

# DẠY HỌC THEO MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC VỚI SỰ PHÁT HUY NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHỆ SỐ

TRẦN THỊ THU HIẾN

Khoa GDĐC&NVSP, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Ngày nhận bài: 12/05/2021; Ngày phản biện, biên tập và sửa chữa: 21/05/2021; Ngày duyệt đăng: 01/06/2021

## ABSTRACTS

*The flipped classroom model is one of the modern methods and is especially suitable in this period when students are not able to attend classes in-person because of the Covid-19 pandemic. At all times, developing students' self-study ability has always been a matter of interest to educators in all countries. The lecturers have to know how to elicit the hidden knowledge inside each student so that they can be positive and active in the learning process and find their own knowledge. This article shows how effective it is to train students' self-study ability according to the flipped classroom model.*

**Key words:** Flipped classroom, self-study ability

Lớp học đảo ngược (flipped classroom) là mô hình giảng dạy tích cực, có thể hiểu rằng so với phương pháp học tập truyền thống, sinh viên đến lớp nghe thầy cô giảng bài rồi trở về nhà làm bài tập sẽ được “đảo ngược” bằng phương pháp sinh viên phải xem các tài liệu học tập như slide bài giảng, video, giáo trình, các bài hướng dẫn... ở nhà thông qua hệ thống quản lý học tập là Microsoft Teams, Classroom, Zalo... Giờ học ở lớp sẽ dành cho các hoạt động tương tác giúp củng cố thêm các khái niệm đã tìm hiểu, như vậy giúp giảng viên và sinh viên thảo luận, nghiên cứu sâu hơn về các vấn đề trong nội dung môn học.

Theo Marks [1], thực hiện mô hình lớp học đảo ngược sẽ góp phần rèn luyện năng lực tự học và phát triển nhận thức cho sinh viên. Trong các lớp học truyền thống, vai trò của người thầy được đặt ở vị trí quá cao, thầy giảng, trò nghe một phần cũng vì áp lực thời gian và quan niệm dạy học đơn thuần là chuyển giao tri thức. Mô hình lớp học đảo ngược có sự hỗ trợ của E-learning đã tạo điều kiện giải phóng người thầy khỏi áp lực về thời gian, có nhiều cơ hội tương tác, động viên và thách thức để sinh viên tiến bộ hơn.

## I. HÌNH THÀNH THÓI QUEN TỰ NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU CHO SINH VIÊN

Hoạt động tự học ở nhà trên E-learning sẽ giúp sinh viên hình thành thói quen tự lực nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp. Để hình thành được thói quen này, sinh viên cần phải nhận biết, hiểu, phân tích, tổng hợp, so sánh sự vật hiện tượng được tiếp xúc; suy xét từ nhiều góc độ, có hệ thống trên cơ sở những lý luận và hiểu biết đã có mà tự mình lĩnh hội kiến thức. Đây là bước khởi đầu để rèn luyện thói quen tích cực khám phá, tìm tòi mọi nơi, mọi lúc, mọi trường hợp và với nhiều đối tượng khác nhau, nâng cao dần lên thì sinh viên sẽ chủ động, tự lực nghiên cứu, độc lập tự giác trong học tập và hình thành được nề nếp làm việc khoa học.

Để tự học đạt hiệu quả thì sinh viên cần kiên trì, có thái độ học tập nghiêm túc, phải tự giác và có quyết tâm. Khi đã thành thói quen thì sinh viên sẽ thích thú với tự học, từ đó biết cách tự học. Sinh viên tự học bằng hành động của chính mình, “hành để học, học để hành”, qua quan sát mà học các phân tích, tư duy, tự mình biết cách phát hiện ra tính chất, bản chất sự vật, hiện tượng. Cuối cùng là học cách tổng hợp, khái quát và diễn đạt ra bằng lời kiến thức đã học.

Bằng cách tự chịu trách nhiệm với việc học của mình và nguồn học liệu sẵn sàng trên E-learning, sinh viên hoàn toàn có thể xem lại khi cần hoặc sử dụng các trợ giúp cá nhân có sẵn để tìm ra câu trả lời đúng đắn. Với những vấn đề chưa hiểu, sinh viên chủ động hỏi thầy về những gì mình có nhu cầu. Khi biết mình cần hỏi gì, hỏi đúng trọng tâm chính là sinh viên đã biết cách đặt câu hỏi

## II. TẠO NHU CẦU TRAO ĐỔI, TƯƠNG TÁC VỚI BẠN VÀ THẦY

Tri thức ban đầu qua tự học của sinh viên có thể chưa hoàn toàn đúng. Vì vậy, trong học tập sinh viên cần bộc lộ sản phẩm học của mình qua thảo luận, biện luận, phản biện về các sản phẩm mới kiến tạo, để họ được chia sẻ thông tin, học hỏi lẫn nhau. Qua lập luận và phản biện, sinh viên tự soi xét lại sản phẩm mới học được của mình, bổ sung, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm về cách học. Theo tháp nhu cầu Maslow, sinh viên sẽ hào hứng, có nhiều động lực tham gia học tập hơn khi được thể hiện trước mọi người

Ngoài ra, khi tham gia làm việc nhóm hiệu quả sẽ tác động tốt đến nhân cách cũng như năng lực của chính sinh viên đó bao gồm: biết cách cùng nhau suy nghĩ, có khả năng tự điều chỉnh, có khả năng hợp tác, biết cách tranh luận và thuyết phục, học cách tôn trọng người khác, biết lắng nghe quan điểm của người khác, tích lũy kinh nghiệm làm việc nhóm. Chú ý rằng hoạt động nhóm chỉ có thể đạt hiệu quả tốt nếu giảng viên phân chia công việc, nhiệm vụ hợp lý. Mỗi sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ của mình trong chuỗi nhiệm vụ chung của cả nhóm cộng tác. Từng nhiệm vụ nhỏ của từng người là một mô đun đã được phân chia sẵn chờ người học hoàn chỉnh. Qua đó, không có hiện tượng người làm ít, người làm nhiều mà là sự phối hợp nhau cùng hoàn thành công việc chung.

Thông qua thảo luận nhóm, sinh viên biết cách tự thể hiện mình, bộc lộ suy nghĩ của bản thân, nuôi dưỡng tự tin. Qua trao đổi, thảo luận, giảng viên kịp thời phát hiện được lỗi, thiếu sót trong quá trình tư duy, lập luận của sinh viên để kịp thời điều chỉnh, rèn luyện cho các em cách tư duy khoa học đồng thời cũng hướng dẫn họ cách diễn đạt, trình bày vấn đề. Do đó, sinh viên thay vì chỉ học từ thầy mà còn học từ bạn, từ tài liệu sách vở.

## III. HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGÔN NGỮ CHO NGƯỜI HỌC

Trong mô hình lớp học đảo ngược, giờ học ở lớp sẽ được giảng viên tận dụng tối đa tổ chức cho sinh viên vận dụng, thực hành kiến thức, thảo luận nhóm hoặc triển khai các dự án, giải quyết các vấn đề mở. Trong các hoạt động này, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng phát biểu ý kiến trước nhóm học tập, lớp, các giảng viên, kỹ năng tham gia, trao đổi ý kiến trong học tập dưới hình thức thảo luận, xemina, thực hành theo nhóm, biết sử dụng các nghi thức ngôn ngữ và giao tiếp với từng cá nhân khác nhau với tư cách cá nhân hay tư cách là người đại diện cho nhóm. Trong hoạt động nhóm, sinh viên sẽ học được các kỹ năng đối thoại, thương lượng và giải quyết những bất đồng, xung đột quan điểm, học được kỹ năng biểu đạt bằng ngôn ngữ và hành động, biết thông cảm, đồng cảm, biết lắng nghe người khác. Ngoài ra, sinh viên có thể học thêm các kỹ năng biểu thị tinh thần thiện và ân cần với bạn bè trong học tập, tự phê bình và phê bình, kỹ năng làm việc cùng nhau trong nhóm hợp tác. Khi được rèn luyện các kỹ năng trên, sinh viên sẽ dần

( Xem tiếp trang 65)

Kết quả phân tích hồi quy Bảng 3 cho thấy KQ (kết quả) có quan hệ tuyến tính với các nhân tố và có hệ số Beta chuẩn hóa lần lượt là; 0,565; 0,466; 0,349; 0,332; 0,313; 0,308.

Phương trình hồi quy thể hiện mối tương quan giữa KQ với các nhân tố được thể hiện như sau;

$$KQ = 0,565 * PP + 0,466 * MT + 0,349 * \Delta L + 0,332 * QLSV + 0,313 * DDK + 0,308 * GD.$$

Thảo luận

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy 6 nhân tố gồm: Phương pháp học tập; Môi trường học tập; Động lực học tập; Quản lý sinh viên; Dự định khác và Gia đình có ảnh hưởng đến Kết quả sinh viên bị cảnh báo học tập và thời học do đó có thể chấp nhận được các giả thuyết bao gồm: H1; H2; H4; H5; H6; H9, trong đó:

- Ảnh hưởng của yếu tố Phương pháp học tập (PP); Có kết quả hồi quy có hệ số = 0,565 và Sig = 0,000 < 0,05 có ý nghĩa thống kê và hệ số Beta = 0,565 > 0, nhân tố có ảnh hưởng nhất đến kết quả sinh viên bị cảnh báo học tập và thời học.

- Ảnh hưởng của nhân tố môi trường học tập (MT): Có kết quả hồi quy có hệ số = 0,466 và Sig = 0,000 < 0,05 có ý nghĩa thống kê và hệ số Beta = 0,466 > 0, nhân tố môi trường bị ảnh hưởng thứ 2 trong 6 nhân tố.

- Ảnh hưởng của nhân tố động lực học tập (DL); Nhân tố này có kết quả hồi quy có hệ số = 0,349 và Sig = 0,000 < 0,005 có ý nghĩa thống kê và hệ số Beta = 0,349 > 0, đây là nhân tố có ảnh hưởng thứ 3 đối với kết quả học tập của sinh viên.

- Ảnh hưởng của nhân tố quản lý sinh viên (QLSV); Nhân tố này kết quả hồi quy có hệ số = 0,332 và Sig = 0,000 < 0,005 có ý nghĩa thống kê và hệ số Beta = 0,332 > 0, đây là nhân tố có ảnh hưởng thứ 4 trong các nhân tố được chấp nhận.

- Ảnh hưởng của nhân tố Dự định khác trong quá trình học tập (DDK); Nhân tố này kết quả hồi quy có hệ số = 0,313 và Sig = 0,003 < 0,005 có ý nghĩa thống kê và hệ số Beta = 0,313 > 0 có ảnh hưởng mức độ thứ 5 trong

các nhân tố được chấp nhận.

- Ảnh hưởng của nhân tố Gia đình (GD); Nhân tố này có kết quả hồi quy hệ số = 0,308 và Sig = 0,002 < 0,005 có ý nghĩa thống kê và hệ số Beta = 0,308 > 0 có ảnh hưởng thứ 6 trong các nhân tố được chấp nhận.

### C. KẾT LUẬN

Như vậy, có 6 nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sinh viên bị cảnh báo học tập và thời học tại Trường Đại học Hà Nội cụ thể là các nhân tố: Phương pháp học tập của sinh viên, Môi trường học tập, Động lực học tập, Công tác quản lý sinh viên, Dự định khác của sinh viên và Gia đình. Từ kết quả nghiên cứu đó, cần tăng cường khả năng học tập chủ động, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện cho sinh viên. Đồng thời, nhà trường làm tốt công tác cố vấn học tập, tạo được nhiều kênh thông tin giao tiếp với sinh viên để dễ dàng tiếp cận hỗ trợ khó khăn cho sinh viên trong việc học tập cũng như cuộc sống. Chú trọng tạo lập mối quan hệ thường xuyên giữa nhà trường với gia đình, nhà trường với các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị, đoàn thể trên địa bàn trong công tác quản lý sinh viên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barnett, Ronald. (2014). *Thinking and rethinking the university: The selected works of Ronald Barnett*: Routledge.
2. Entwistle, NJ, Meyer, JHF. & Tait. Hilary J Higher education. (1991), Student failure: Disintegrated patterns of study strategies and perceptions of the learning environment. 21(2), 249-261.
3. Eom, Sean B, Wen, H Joseph, & Ashill, Nicholas J Decision Sciences Journal of Innovative Education. (2006), The determinants of students' perceived learning outcomes and satisfaction in university online education: An empirical investigation. 4(2), 215-235.
4. Hung, Chih-Lun J Educational research. (2007), Family, schools and Taiwanese children's outcomes. 49(2), 115-125.
5. Trường Đại học Hà Nội. (2021), Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy của Trường Đại học Hà Nội, 2021

## DẠY HỌC THEO MÔ HÌNH...

(Tiếp theo trang 73)

hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ. Ngoài ra, giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên cách tổng hợp, đánh giá, bằng nhiều hình thức khác nhau: bằng lời văn, bảng biểu, sơ đồ, bản đồ tư duy... bằng ngôn ngữ của chính mình, diễn đạt theo cách hiểu của các họ, chứ không phải là chép lại nội dung trong tài liệu.

### IV. RÈN LUYỆN CHO SINH VIÊN NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Năng lực giải quyết vấn đề bao gồm khả năng trình bày giả thuyết; xác định cách thức giải quyết và lập kế hoạch giải quyết vấn đề; khảo sát các khía cạnh, thu thập và xử lý thông tin; đề xuất các giải pháp, kiến nghị các kết luận. Thực tế cho thấy nhiều sinh viên có thể thu thập thông tin phong phú nhưng không biết hệ thống và xử lý như để làm phát hiện ra con đường tiềm cận giả thiết. Điều này đòi hỏi giảng viên cần hướng dẫn cẩn thận và kiên trì ngay từ những hoạt động đầu của giải quyết vấn đề. Giảng viên đã dạy cho sinh viên có thói quen, kỹ thuật giải quyết vấn đề chính là dạy cách học cho họ.

Khi có kỹ thuật giải quyết vấn đề, sinh viên có thể áp dụng vào rất nhiều trường hợp trong học tập cũng như trong cuộc sống để lĩnh hội các tri thức cần thiết cho mình. Nên xem kỹ thuật giải quyết vấn đề vừa là công cụ nhận thức, nhưng đồng thời là mục tiêu của việc dạy cho sinh viên phương pháp tự học.

Để hình thành cho sinh viên thói quen vận dụng kiến thức, giải quyết vấn đề trong những tình huống khác nhau thì họ cần phải nhận biết, hiểu, phân tích, tổng hợp, so sánh sự vật hiện tượng được tiếp xúc; suy xét từ nhiều góc độ, có hệ thống trên cơ sở những lý luận và hiểu biết đã có của mình; phát hiện ra các khó khăn, mâu thuẫn xung đột, các điểm chưa hoàn chỉnh cần giải quyết, bổ sung, các bế tắc, nghịch lý cần phải khơi thông, khám phá, làm sáng rõ... Đây là bước khởi đầu của sự nhận thức có tính phê phán đối với nội lực trí tuệ cao. Việc thường xuyên rèn luyện năng lực này tạo cho sinh viên

thói quen hoạt động trí tuệ, luôn luôn tích cực khám phá, tìm tòi ở mọi nơi, mọi lúc, mọi trường hợp và với nhiều đối tượng khác nhau, nâng cao dần lên họ sẽ có kỹ năng vận dụng kiến thức có hiệu quả. Đồng thời việc vận dụng những điều đã học vào thực tiễn mang lại hiệu quả cao cũng sẽ có tác động ngược lại, tạo cho họ lòng ham học, hứng thú với tự học, nhờ đó kết quả học tập sẽ ngày càng được nâng cao.

Việc tự học, tự rèn luyện hình thành cho sinh viên thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho họ tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống cho mình. Họ sẽ dễ dàng thích ứng và không bị lạc hậu với người khác. Tự học thúc đẩy lòng ham học, ham hiểu biết, khát khao vươn tới những đỉnh cao của khoa học, sống có hoài bão, ước mơ cho sinh viên.

### V. RÈN LUYỆN CHO SINH VIÊN CÁC KỸ NĂNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG HIỆN ĐẠI

Khi học với E-learning, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng công nghệ thông tin từ cơ bản nhất như cách thức sử dụng máy tính, cách tìm và nghiên cứu tài liệu số hóa, cách lưu trữ, sử dụng các mail, văn bản điện tử để trao đổi thông tin và giao tiếp học tập trên Internet. Rèn luyện các kỹ năng khai thác và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông hiệu quả làm cho thế hệ trẻ có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại; có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỷ luật cao.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Chính (2016), Dạy học theo mô hình Flipped Classroom, báo Tia Sáng - Bộ Khoa học Công Nghệ, ngày 4/4/2016
2. Marks D. B. (2015). Flipping the Classroom: Turning an Instructional Methods Course Upside Down. Journal of College Teaching and Learning, 12 (4), tr.241-248.
3. Lê Thị Phụng - Bùi Phương Anh (2017), Dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược nhằm phát triển năng lực tự học cho sinh viên, Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục, số 10, tr.1-8.